

Số: 32/TĐ-SNNPTNT

Hậu Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2021

TIẾN ĐỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐẾN NGÀY 15/11/2021

Đơn vị tính: Ha

Đơn Vị	Thu đông 2021				Đông xuân 2021-2022			
	Kế hoạch Tỉnh	Diện tích xuống giống	Diện tích thu hoạch	Ước NS (tạ/ha)	Kế hoạch Tỉnh	Diện tích xuống giống	Diện tích thu hoạch	Ước NS (tạ/ha)
Tổng số	36.700,0	35.363,0	29.943,0	55,8	76.200,0	1.488,0	-	-
TP.Vị Thanh	2.700,0	2.796,0	2.326,0	54,1	3.900,0	-		
TP.Ngã Bảy	200,0	255,0	35,0	54,0	500,0	-		
H.Châu Thành A	7.000,0	7.211,0	7.211,0	56,0	8.000,0	1.368,0		
H.Châu Thành		-						
H.Phụng Hiệp	7.500,0	7.011,0	6.911,0	55,8	19.000,0	-		
H.Vị Thủy	12.000,0	12.570,0	12.470,0	56,0	17.100,0	-		
TX. Long Mỹ	3.300,0	1.000,0	-		10.000,0	-		
H.Long Mỹ	4.000,0	4.520,0	990,0	55,2	17.700,0	120,0		

Ghi chú:

- **Lúa Thu đông 2021:** Hiện nay đã xuống giống được 35.363 ha đạt lúa 96,3 % so với Kế hoạch, các giống lúa được sử dụng chủ yếu như: OM5451 chiếm 48,8%, giống OM 18 chiếm 45,6 %, Đài thơm 8 chiếm 2,9%, IR50404 chiếm 1,7 %, VNR20 chiếm 0,34%, còn lại các giống khác như: OM 6976, OM4900, OM7347, VND95-20,.... Hiện nay, đã thu hoạch được 29.943 ha, ước năng suất đạt 55,8 tạ/ha.

- **Lúa Đông xuân 2021-2022:** Hiện nay đã xuống giống được 1.488 ha, tập trung ở các huyện như: Châu Thành A và Long Mỹ, lúa đang giai đoạn mạ, sinh trưởng và phát triển tốt.

- Biện pháp chăm sóc cần chú ý:

+ Đối với lúa Đông xuân 2021- 2022: nông dân cần chú ý quản lý tốt các đối tượng gây hại đầu vụ như Chuột, Ốc bươu vàng, cỏ dại; Cần chú ý gieo sạ theo lịch xuống giống của ngành Nông nghiệp địa phương khuyến cáo để tránh bị ảnh hưởng của rầy nâu truyền bệnh vàng lùn-lùn xoắn lá.

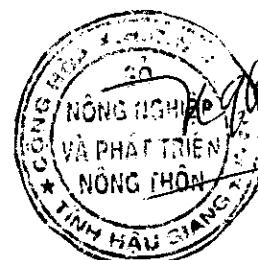
+ Tăng cường vận động nông dân cây vùi rơm rạ, sử dụng các chế phẩm vi sinh Trichoderma, để phân hủy rơm rạ nhằm hạn chế xây ra ngộ độc hữu cơ, nước chảy ra các dòng sông gây thối và ô nhiễm môi trường.

Lập biểu: Nguyễn Thanh Thúy

Nơi nhận:

- Bộ NN & PTNT;
- UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- Báo Hậu Giang, Đài PTTH;
- Các đơn vị trực thuộc có liên quan;
- Lưu: CCTTBVT, VT

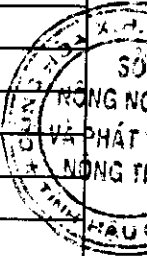
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Giang

BÁO CÁO NHANH 10 NGÀY**TIẾN ĐỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐẾN NGÀY 15/11/2021****A. Thông tin sản xuất nông nghiệp (đến ngày 15/11/2021)**

	ĐVT	Kế hoạch Vụ/năm	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Ghi chú
A	B	1	2	3	
1. GIEO TRỒNG					
1.1- Cây lương thực					
a. Lúa	ha	189.300	198.235,8	189.000,7	
. Đông Xuân 2020-2021	ha	76.600	77.820,2	77.021,7	
. Hè Thu 2021	ha	76.000	77.339,5	76.616,0	
. Thu Đông 2021	ha	36.700	43.076,1	35.363,0	
b. Mù lương thực	ha				
. Cây Bắp	ha		2.968,0	2.120,0	
1.2 - Cây có chất bột	ha	23.800	775,0	605,0	
1.3 - Cây rau đậu niên vụ 2020-2021	ha		21.721,2	23.114,9	
. Rau, đậu rau các loại	ha	-	20.697,1	22.585,0	
. Gừng	ha	-	210,6	178,6	
. Cây lấy hạt (đậu xanh, đậu nành,...)	ha	-	813,5	351,2	
1.4 - Cây CN hằng năm	ha	5.000	5.908,5	5.041,0	
. Mía niên vụ 2020-2021	ha		5.908,5	5.041,0	
2. THU HOẠCH					
2.1 - Cây lương thực	ha				
a. Lúa			155.159,7	183.580,7	
. Đông Xuân 2020-2021	ha	-	77.820,2	77.021,7	
. Hè Thu 2021	ha	-	77.339,5	76.616,0	
. Thu Đông 2021	ha	-	37.702,0	29.943,0	
b. Mù lương thực	ha		-		
. Cây Bắp	ha	-	2.040,0	2.085,0	
2.2 - Cây có chất bột	ha		570,0	565,0	
2.3 - Cây rau đậu niên vụ 2020-2021	ha		20.710,6	22.362,0	
. Rau, đậu rau các loại	ha	-	20.122,0	21.905,0	
. Gừng	ha	-	90,0	122,0	
. Cây lấy hạt (đậu xanh, đậu nành,...)	ha	-	498,6	335,0	
2.4 - Cây CN hằng năm	ha				
. Mía niên vụ 2020-2021	ha	-	2.583,0	1.481,0	
3. NĂNG SUẤT DỰ KIẾN					
3.1- Cây lương thực					
a. Lúa					
. Đông Xuân 2020-2021	tạ/ha	-	76,57	78,18	
. Hè Thu 2021	tạ/ha	-	60,76	62,48	
. Thu Đông 2021	tạ/ha	-	52,98	55,77	



b. Màu lương thực (Bắp)	tạ/ha			68,0	
3.2 - Cây có chất bột	tạ/ha			250,0	
3.3 - Cây rau đậu	tạ/ha				
. Rau, đậu, các loại	tạ/ha			130,0	
. Đậu xanh	tạ/ha			13,0	
. Gừng	tạ/ha			250,0	
3.4 - Mía niên vụ 2020-2021	tấn/ha			100,0	

B. Thông tin thị trường (đơn vị tính)

1. Giá bình quân một số nông sản chính tại địa phương:

- . OM 5451 (lúa tươi): 5.500 - 5.700 đồng/kg
- . OM 18 (lúa tươi): 5.800 - 6.000 đồng/kg

2. Giá bán lẻ vật tư nông nghiệp:

- . Giống lúa RVT, cấp XN1 25.000 đồng/kg
- . Giống lúa Đài thơm 8, cấp XN1 17.000 đồng/kg
- . Giống lúa OM5451, cấp XN1 14.000-14.500 đồng/kg
- . Urea Phú Mỹ: 16.400-16.500 đ/kg
- . Urea Cà Mau 17.000-17.200 đ/kg
- . DAP 18-46-0: 24.200 - 24.300 đ/kg
- . NPK 20-20-15 : 22.200 - 22.500 đ/kg
- . Kali (60% K₂O) 16.200 - 16.300 đ/kg

* Thuyết minh về tình hình giá cả thị trường:

Giá lúa: OM 5451: 5.500 - 5.700 đồng/kg, OM 18: 5.800 - 6.000 đồng/kg, tăng từ 300-400 đ/kg so với tuần trước.

* Tình hình sản xuất nông nghiệp:

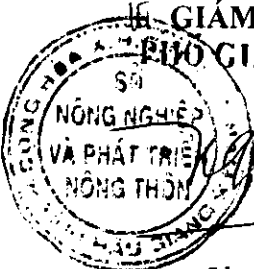
- **Rau màu niên vụ 2020-2021:** Đến nay đã xuống giống dứt điểm, diện tích gieo trồng từ đầu năm đến nay được 25.840 ha đạt 108,35 % so với Kế hoạch. Trong đó, cây rau ăn trái, rau ăn lá các loại là 23.115 ha, cây có chất bột là 605 ha và cây bắp là 2.120 ha. Thu hoạch lũy kế được 25.012 ha, trong đó: cây rau ăn trái, rau ăn lá các loại là 22.362 ha, cây có chất bột là 565 ha và cây bắp là 2.085 ha, ước năng suất trung bình đạt 12,5 tấn/ha.
- **Rau màu niên vụ 2021-2022:** Đã xuống giống mới được 1.247 ha, trong đó rau ăn trái, rau ăn lá các loại là 1.134 ha, cây bắp là 77 ha và cây có chất bột là 36 ha.
- **Mía niên vụ 2020-2021:** đã xuống giống 5.041 ha đạt 100,7% so với Kế hoạch, phân bố ở huyện Phụng Hiệp và Tp.Ngã Bảy. Các giống được sử dụng chủ yếu như: ROC 16, K88-92, KK3, ROC 22,... Đã thu hoạch được 1.455 ha, chủ yếu là mía ép lấy nước, giá bán trung bình từ 1.200-1.400 đồng/kg.



**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG
TRONG BÁO CÁO NHANH 10 NGÀY**

1. Lúa	Đơn vị tính	Diện tích/năng suất
1.1. Lúa Đông Xuân 2020-2021		
.Diện tích lúa đã gieo sạ	Ha	77.021,7
.Diện tích lúa đã thu hoạch	Ha	77.021,7
.Ước năng suất theo trà lúa	Tạ/ha	78,18
1.2. Lúa Hè Thu 2021		
.Diện tích lúa đã gieo sạ	Ha	76.616,0
.Diện tích lúa đã thu hoạch	Ha	76.616,0
.Đạt năng suất theo trà lúa	Tạ/ha	62,48
1.3. Lúa Thu Đông 2021		
.Diện tích lúa đã gieo sạ	Ha	35.363,0
.Diện tích lúa đã thu hoạch	Ha	29.943,0
.Ước năng suất theo trà lúa	Tạ/ha	55,77
2. Cây màu niên vụ 2020-2021		
2.1 Bắp		
2.1.1. Diện tích gieo trồng	Ha	2.120,0
Trong đó: bắp lai	Ha	48,5
2.1.2. Diện tích thu hoạch	Ha	2.085,0
2.1.3.Ước năng suất bình quân	Tạ/ha	68,0
2.2.Cây có chất bột		
2.2.1. Diện tích gieo trồng	Ha	605,0
Trong đó: Khoai lang	Ha	23,0
2.2.2. Diện tích thu hoạch	Ha	565,0
3. Cây công nghiệp ngắn ngày		
3.1. Diện tích gieo trồng		
.Mía niên vụ 2020-2021	Ha	5.041,0
3.2. Diện tích thu hoạch		
.Mía niên vụ 2020-2021	Ha	1.481,0
3.3.Ước năng suất bình quân		
.Mía niên vụ 2020-2021	Tấn/ha	100,0
4. Cây rau, đậu rau niên vụ 2020-2021		
4.1. Diện tích gieo trồng	Ha	23.114,9
. Rau và đậu rau các loại	Ha	22.585,0
. Gừng	Ha	178,6
. Cây lấy hạt (đậu xanh, đậu nành,...)	Ha	351,2
4.2. Diện tích thu hoạch	Ha	22.362,0
. Rau và đậu rau các loại	Ha	21.905,0
. Gừng	Ha	122,0
. Cây lấy hạt (đậu xanh, đậu nành,...)	Ha	335,0
4.3. Ước năng suất bình quân		
. Đậu xanh	tạ/ha	13,0
. Dưa hấu	tạ/ha	250,0
. Gừng	tạ/ha	250,0

Hậu Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2021



 H. GIÁM ĐỐC *nghe*
 PHÓ GIÁM ĐỐC
nghe
 Nguyễn Thị Giang